

DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/ 2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng																
1	Ca nô chữa cháy và tìm kiếm cứu nạn - Áp dụng công nghệ và mẫu mã theo tiêu chuẩn mới nhất Châu Âu - Thiết bị lắp đặt trên ca nô được nhập khẩu từ các nước tiên tiến, di chuyển được trên cạn 1. Đặc điểm, công dụng và vùng hoạt động Ca nô công tác vỏ hợp kim nhôm, thượng tầng làm bằng composite. Ca nô được lắp 02 treo ngoài ngoài hiệu Mercury. Canô làm nhiệm vụ chở cán bộ đi chữa cháy, tuần tra kiểm soát và cứu hộ trên sông, tuần tra kiểm soát với vùng sông SI. Ca nô được trang bị hệ thống để di chuyển lên bờ, trên cạn ở những địa hình phức tạp hoặc cất giữ bảo quản canô trong kho được tốt nhất. 2. Cấp tính toán Ca nô được tính toán thiết kế theo “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc QCVN 54:2013/BGTV”, "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa Sửa đổi 2:2018 QCVN 72:2013/BGTVT" cho Ca nô công tác cấp hạn chế IV (tương đương vùng SI). * Các lưu ý: - Các thiết bị trên Ca nô phải được định vị chắc chắn theo quy định, không được xô dịch trong mọi điều kiện hoạt động của Ca nô. - Khi quay vòng, tốc độ của Ca nô không quá 10km/h. 3. Các thông số cơ bản. <table border="0"> <tr> <td>Chiều dài lớn nhất</td><td>$L_{\max}$</td><td>=</td><td>8,60 m</td></tr> <tr> <td>Chiều rộng lớn nhất</td><td>$B_{\max}$</td><td>=</td><td>2,5m</td></tr> <tr> <td>Thuyền viên</td><td>t</td><td>=</td><td>2 người</td></tr> <tr> <td>Cán bộ</td><td>t_k</td><td>=</td><td>04 người</td></tr> </table> Máy chính: - Số lượng 2 máy - Công suất 2 X 115HP (230HP) Tốc độ tối đa đủ tải dưới nước $V = 29$ hải lý / giờ Tốc độ tối đa trên cạn (dùng Sealeg) $V = 07$ km / giờ I. BỐ TRÍ CHUNG Ca nô được bố trí như sau: + Dưới boong chính: Từ lái – khoang lái. Bên trong khoang lái bố trí bơm hút khô. Khoang trống bên dưới sàn canin: bố trí két nhiên liệu 200 lít và két foam 150 lít + Boong sàn: Trên boong sàn bố trí bàn điều khiển ca nô và bố trí ghế ngồi cho 2 thuyền viên và 4 cán bộ. Khu vực sau cabin bố trí 01 máy chữa cháy Tohatsu + 01 cụm động cơ vận hành hệ thống di chuyển trên cạn để canô vượt địa hình. Hai bên mạn bố trí 02 cửa cứu hộ. Phía trước mũi bố trí 01 lăng giá chữa cháy điều khiển bằng tay, trên nóc cabin bố trí 01 lăng giá chữa cháy điều khiển từ xa.	Chiều dài lớn nhất	$L_{\max}$	=	8,60 m	Chiều rộng lớn nhất	$B_{\max}$	=	2,5m	Thuyền viên	t	=	2 người	Cán bộ	t_k	=	04 người	Chiếc	1
Chiều dài lớn nhất	$L_{\max}$	=	8,60 m																
Chiều rộng lớn nhất	$B_{\max}$	=	2,5m																
Thuyền viên	t	=	2 người																
Cán bộ	t_k	=	04 người																

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng																																						
	Phía trước mũi là khoang mũi, trong bố trí thiết bị neo + Boong chính: Khu vực sau lái gắn 02 máy chính, cột bít chằng buộc. Ngay hai bên mạn sau lái gắn 02 thiết bị di chuyển trên cạn Phía trước mũi canô gắn 01 thiết bị di chuyển trên cạn Khoang mũi: mặt boong bố trí thiết bị neo và cột bít chằng buộc phía mũi. + Boong nóc: Bố trí cột đèn tín hiệu, đèn pha 12V. II. PHẦN KẾT CẤU Ca nô được thiết kế kết cấu phù hợp với khoảng sườn. + Vật liệu: Vỏ ca nô làm bằng hợp kim nhôm + Thượng tầng làm bằng composite + Quy cách kết cấu vỏ ca nô <table><tr><td>Tấm đáy</td><td>s = 5</td></tr><tr><td>Tấm mạn</td><td>s = 4</td></tr><tr><td>Tấm boong</td><td>s = 4</td></tr><tr><td>Tấm vách</td><td>s = 4</td></tr><tr><td>Tấm vách lái</td><td>s = 5</td></tr></table> + Roong chống va bằng cao su đúc: 50x60 III. PHẦN THIẾT BỊ 1. Thiết bị neo (Theo QCVN 54:2013/BGTVT) - 1 neo thép nhúng kẽm độ bám lớn (Matrosov) có khối lượng 12kg. - Dây neo gồm 35m dây vynilon cấp 2 Φ14 có lực kéo đứt $F_d = 28.4\text{kN}$ và 01m xích không ngáng Φ8. - Xích neo nối với neo và dây neo bằng maní neo và mắt xoay. - Neo được kéo thả bằng tay. 2. Thiết bị lái Thiết bị lái đồng bộ với máy treo ngoài 3. Thiết bị chằng buộc, dây kéo (Theo QCVN 54:2013/BGTVT) - Trang bị cho Ca nô 04 cột bít buộc dây gồm 02 phía mũi và 02 phía lái. - 2 dây chằng buộc là cáp sợi tổng hợp Vynilon chiều dài mỗi dây 15m. 4. Thiết bị cứu sinh (Theo Sửa đổi 2:2018 QCVN 72: 2013/BGTVT) <table><tr><td>- Phao tròn</td><td>2 Chiếc</td></tr><tr><td>- Phao áo cá nhân người lớn</td><td>6 Chiếc</td></tr></table> 5. Phương tiện tín hiệu (Theo Sửa đổi 2:2018 QCVN 72: 2013/BGTVT, luật giao thông đường thủy nội địa sửa đổi 2014) 5.1. Đèn hiệu, gồm: <table><tr><th>TT</th><th>Đèn</th><th>S.lượng (Cái)</th><th>Góc chiếu Độ(°)</th><th>Tầm nhìn (m)</th><th>Màu sắc, Đặc tính</th></tr><tr><td>1</td><td>Đèn mắt chủ động</td><td>2</td><td>360</td><td>800</td><td>Đỏ</td></tr><tr><td>2</td><td>Đèn Ca nô cao tốc</td><td>1</td><td>360</td><td>800</td><td>Vàng, nháy</td></tr><tr><td>3</td><td>Đèn neo</td><td>1</td><td>360</td><td>800</td><td>Trắng</td></tr></table> Ngoài ra ca nô trang bị 01 đèn pha và 01 đèn quay cảnh sát màu xanh 5.2. Âm hiệu: Còi hụ: 1 chiếc 5.3. Vật hiệu: - 1 dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen, đường kính 0,3m ghép kiểu mũi khế - 1 dấu hiệu gồm 2 hình vuông màu đen, mỗi cạnh 0,3m ghép kiểu mũi khế	Tấm đáy	s = 5	Tấm mạn	s = 4	Tấm boong	s = 4	Tấm vách	s = 4	Tấm vách lái	s = 5	- Phao tròn	2 Chiếc	- Phao áo cá nhân người lớn	6 Chiếc	TT	Đèn	S.lượng (Cái)	Góc chiếu Độ(°)	Tầm nhìn (m)	Màu sắc, Đặc tính	1	Đèn mắt chủ động	2	360	800	Đỏ	2	Đèn Ca nô cao tốc	1	360	800	Vàng, nháy	3	Đèn neo	1	360	800	Trắng		
Tấm đáy	s = 5																																								
Tấm mạn	s = 4																																								
Tấm boong	s = 4																																								
Tấm vách	s = 4																																								
Tấm vách lái	s = 5																																								
- Phao tròn	2 Chiếc																																								
- Phao áo cá nhân người lớn	6 Chiếc																																								
TT	Đèn	S.lượng (Cái)	Góc chiếu Độ(°)	Tầm nhìn (m)	Màu sắc, Đặc tính																																				
1	Đèn mắt chủ động	2	360	800	Đỏ																																				
2	Đèn Ca nô cao tốc	1	360	800	Vàng, nháy																																				
3	Đèn neo	1	360	800	Trắng																																				

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	6. Trang bị chữa cháy (Theo Sửa đổi 2:2018 QCVN 72:2013 /BGTVT) 6.1 Thiết bị chữa cháy xách tay + Bình chữa cháy bột loại 9L: 2 Bình + Bình chữa cháy CO₂ loại 5 kg: 1 Bình 6.2 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công + Bạt phủ dùng để dập cháy kích thước 1600x1400x3,5mm: 1 Chiếc + Xô múc nước có dây: 1 Chiếc + Rìu: 1 Chiếc 7. Trang bị vô tuyến điện + La bàn từ : 1 bộ + Thiết bị VHF-DSC: 1 bộ + Thiết bị VHF cầm tay: 2 chiếc + Động cơ 115 HP (4 thì): 2 máy - Công suất HP/kW: 115 / 86 - Tua máy tại ga tối đa: 5.000 - 5.500 vòng/phút - Kiểu máy: 4 máy thẳng - 8 van đơn (SOHC) - Dung tích xi lanh (lít): 2.1 - Đường kính, hành trình piston(mm): 90 x 81 - Khí nạp: Bộ khí nạp dạng cuộn hiệu suất điều chỉnh được - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử (EFI) - Tiêu chuẩn nhiên liệu: Tối thiểu xăng không chì E5 hoặc A95 - Hệ thống đánh lửa: Đánh lửa kỹ thuật số thông minh (ECM) - Hệ thống sạc bình: 35amp/441W Stator với điều áp làm mát bằng nước - Khởi động: Chìa khóa để điện - Hệ thống xả: Xả qua chân vịt - Hệ thống làm mát: Sinh hàn nước với cảm biến nhiệt - Hệ thống bôi trơn: Cattle dầu - Tiêu chuẩn dầu bôi trơn: Chuẩn NMMA FCW SEA 25W-40 - Dung tích dầu bôi trơn (lít): 5.2 - Hệ thống điều khiển: Ga số cơ tiêu chuẩn - Hệ thống bảo vệ: Hệ thống bảo vệ thông minh - Vị trí cần số: Lùi - Trung gian - Tiến - Tỷ số truyền hộp số: 2.38:1 - Chiều dài chân máy: 25" - Tầm nghiêng máy tối đa: 70° (-6° ~ 64°) - Tầm ben máy tối đa: 22° (-6° ~ 16°) - Trọng lượng khô (dòng nhẹ nhất): 165 Kg + Bộ bánh xe thủy lực - Trọng lượng lớn nhất của tàu: 2.500kg - Hệ thống làm mát bằng không khí - Kích thước bánh xe: 25" x 11" - Tốc độ tối đa: 7kph (AWD) / 4.3 mph - Khối lượng của hệ thống: 525kg - Công suất: 22HP - Momen xoắn cực đại: 3.000 Nm - Được chuẩn bị trước – Sẵn sàng để bắt đầu: Có - Khung hợp kim 12mm, được gia công từ phôi nhôm nguyên khối 6061 - Chân hợp kim được xử lý nhiệt		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Áp suất vận hành tối đa: 3625 Psi - Bánh thủy lực trước sau gập lại bằng cơ cấu thủy lực thông qua 1 nút bấm - Một động cơ bên trong làm mát bằng không khí điều khiển bơm thủy lực / s để cung cấp năng lượng cho các bánh xe. Hệ thống bao gồm một bộ giảm âm bằng thép không gỉ và bộ làm mát dầu thủy lực. + Hệ thống định vị mũi canô: - Sử dụng điện: 12V - Trọng lượng: 73kg - Lực đẩy tại 10.5V = 60kg/132 lb - Công suất: 3.1kW - Trọng lượng: 16kg + Bơm chữa cháy - Loại động cơ Động cơ xăng pha nhớt 2 thì - Dung tích xylanh 804CC - Công suất động cơ 60 PS (44 kW) - Lưu lượng bơm - 2.050 lít/phút – 0.6 MPa - 1800 lít/phút – 0.8 MPa - 1500 lít/phút – 1.0 MPa - Cơ cấu khởi động Bằng tay và đề điện - Bình chứa nhiên liệu 24 lít - Tiêu thụ nhiên liệu 22 lít/h - Trọng lượng khô 104 Kg - Trọng lượng ướt 124 Kg - Kích thước (LxWxH) 748x732x827 mm - Chiều cao hút tối đa xấp xỉ 9m - Phụ kiện: Ống hút, và giỏ lọc rác + Lăng giá chữa cháy điều khiển từ xa - Monitor chữa cháy điều khiển từ xa - Đầu vào: 2.5”, ANSI 150 - Đầu ra: 2,5” - Lưu lượng phun: 2000 lít/phút. - Điều khiển ngang và dọc 3 tay quay - Xoay ngang trái và phải 185° quanh trục chính - Xoay dọc 45° phía dưới, 90° phía trên - Nguồn điện: 12V hoặc 24V - Vật liệu : Hợp kim nhôm - Có tay quay để điều khiển monitor khi không sử dụng nguồn điện - Bộ điều khiển từ xa - Chứng nhận CE + Đầu lăng phun - Đầu vào: 2,5” - Lưu lượng phun: 400 đến 2000 lít/phút - Vật liệu: hợp kim nhôm - Áp suất làm việc: 7/3.8 bar - Điều khiển từ xa + Lăng giá chữa cháy điều khiển bằng tay - Đầu vào: 2.5”, ANSI 150		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Đầu ra: 2,5’’ - Lưu lượng phun: 2000 lít/phút. - Điều khiển ngang và dọc 3 tay quay - Xoay dọc 45° phía dưới, 90° phía trên - Thanh điều khiển ngang, dọc có khóa - Vật liệu : Hợp kim nhôm + Đầu lăng phun - Đầu vào: 2,5’’ - Lưu lượng phun: 400 đến 2000 lít/phút - Vật liệu: hợp kim nhôm - Áp suất làm việc: 7/3.8 bar + Bộ trộn bột chữa cháy - Tỷ lệ pha trộn .25%, .5%, 1%, 3%, 6% - Đầu vào: 2.5’’ - Đầu ra: 2.5’’ - Lưu lượng: 227 lít/ phút - Áp suất: 14 bar		
2	Xuồng cao su có động cơ - Chiều dài tổng thể: 4.26 mét, Rộng 1.92 mét - Kích thước bên trong: Dài 2.92 mét, Rộng 0,91 mét - Vật liệu: PVC - Sàn: Nhôm - Áp suất tối đa: 0.248 bar - Trọng lượng: 104 kg - Tải trọng: 900 kg - Được thiết kế 4 lớp, hàn nhiệt, thân tàu chắc chắn - Vòm dầy 38cm được làm bằng ván ép bạch dương + Động cơ - Động cơ: 3 xy lanh - Công suất: 30 HP - Dung tích xy lanh: 526 cc - Sử dụng đề hoặc dùng tay - Tỷ lệ bánh răng: 2,17:1 - Cánh quạt: 8 inch – 14 inch - Chiều cao: 15 inch – 20 inch - Xăng không chì (87 Octane) - Sử dụng dầu NMMA được chứng nhận FC-W® 4 thì - Bình xăng: 25 lít - Trọng lượng: 71,5kg Kèm phụ kiện: - Bơm xuồng - Xe đẩy - Túi đựng - Ghế đệm - Mái chèo	Chiếc	4
3	Thiết bị phá dỡ đa năng cầm tay - Là thiết bị rất nhẹ, nhỏ gọn, thao tác đơn giản phục vụ cho công tác cứu hộ - Thiết bị được thiết kế chủ yếu để tiếp xúc nhanh, đột nhập, phát các ổ	Bộ	11

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	khóa, dễ dàng vượt qua các bức tường gạch và bê tông chỉ trong vài phút. - Chiều dài tổng thể chưa gắn phụ kiện: 80cm. - Thân được làm bằng hợp kim nhôm, gồm các rãnh chống trơn trượt. - Đầu kết nối có khóa vòng bằng hợp kim nhôm rất chắc chắn. - Phía đuôi có gắn kích có thể kéo dài thêm tạo thêm lực cho tay đòn. - Thiết bị gồm 5 mũi kèm theo: - Mũi dẹp: dùng cạy cửa kim loại, chiều dài 43cm, trọng lượng 1.55kg - Mũi cắt kim loại: chiều dài 32cm, trọng lượng 1.43kg - Mũi nhọn: dùng để phá bê tông và tường gạch chiều dài 40cm, trọng lượng 1.21kg - Mũi dẹp 1in: dùng để phá bê tông và cạy bu lông, chiều dài 40cm, trọng lượng 1.23kg - Mũi mở khóa: dùng cạy cửa, cạy khóa, chiều dài 31.5cm, trọng lượng 1.61kg.		
4	Cửa máy (dùng pin) - Cửa xích dùng pin 60V là một thiết bị linh hoạt dùng trong công tác chữa cháy với nhiều ứng dụng khác nhau như: phá cửa, thông gió trên mái nhà, hoạt động cứu hộ, dọn đường, dọn cây ngã và mảnh vụn. - Thiết bị có phanh xích an toàn bảo vệ sự bắn lại và có hiệu suất lên đến 70 lần cắt cho mỗi lần sạc trên gỗ thông (6” x 6”) với pin 60V Max 3Ah đi kèm Một bộ Bao gồm: - 1 máy cửa - 1 Pin 60V/20V (3AH/9AH) và pin dự phòng - 1 Bộ sạc	Cái	11
5	Phao cứu sinh điều khiển từ xa - Thiết kế hình chữ U, Hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết và địa hình hiểm trở - Sử dụng đơn giản, nhanh chóng và an toàn - Hoạt động trong điều kiện sóng gió cấp 3 - Động cơ đẩy, Hoạt động bằng pin - Sử dụng pin: Polymer Lithium-lion - Khoảng cách điều khiển từ xa lớn hơn 600m - Sử dụng 4 cánh quạt - Tốc độ di chuyển trên mặt nước: 18km/h - Thời gian sử dụng: 30 phút - Kích thước : 98 x 80 x 21cm - Trọng lượng : 12.5 kg (13 kg)	Bộ	1
6	Đệm nhảy - Chiều cao an toàn: 21,3 mét - Cấu tạo đệm gồm 02 tầng. - Trên bề mặt đệm có ô hình vuông màu đỏ, nhằm giúp nạn nhân dễ dàng xác định vị trí nhảy an toàn. - Chiều cao đệm sau khi bơm phồng: 2.5 m - Thời gian bơm phồng: 45 giây - Thời gian bơm phồng lại: dưới 25 giây - Kích thước sau khi bơm phồng (D x R x C): 6 x 4.5 x 2.5 - Có 02 cửa nạp khí - Trang bị 02 quạt cấp khí: công suất 1/2 hp nguồn 220V	Bộ	1

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Trọng lượng 109 kg - Máy phát điện - Kiểu động cơ : 4 thì, 1 xi lanh, xupap treo - Dung tích xi lanh : 389 cc - Đường kính x hành trình piston : 88.0 x 64.0 mm - Loại bugi: W16EPR-U (DENSO)/ BPR5ES (NGK) - Công suất cực đại theo tiêu chuẩn SAE J1 349 : 8.7 kW (11.7 mã lực)/3600 vòng/phút - Tỉ số nén: $8.2 \pm 0.2:1$ - Kiểu đánh lửa: Transito từ tính (IC) - Kiểu khởi động: Bằng tay & điện - Dung tích nhớt: 1 .1 lít - Dung tích bình nhiên liệu: 1 5.5 lít - Thời gian hoạt động liên tục (tại tải liên tục): 5.8 giờ - Điện thế xoay chiều: 1 pha, 220 V - Tần số: 50 Hz - Công suất cực đại: 5.5 KVA - Công suất định mức: 5.0 KVA - Kích thước phủ bì (DxRxC): 690 x 670 x 610 (mm) - Trọng lượng khô: 80 kg		
7	Bộ phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ trong không gian hạn chế (dây, khóa móc, bộ kiềm chống 3 chân, ròng rọc) 1. Dây cứu hộ - Cấu tạo: Dây có lõi chịu lực, vỏ ngoài được bọc bằng các sợi đan chéo với nhau, làm từ sợi tổng hợp; nhiệt độ tan chảy 238°C - Chiều dài: 100 m/cuộn - Đường kính: 11-13mm - Tải trọng phá hủy: 42 kN - Trọng lượng: 104,9 g/m - Tiêu chuẩn đáp ứng: Tiêu chuẩn NFPA 1983 2. Cột chống ba chân - Kiểu dáng: Loại 3 chân, có các mức điều chỉnh độ cao, thấp - Chất liệu: Nhôm - Chiều cao tối đa: 2,7 m - Chiều dài thu gọn: 2,1 m - Tải trọng làm việc: 159 kg - Tải trọng phá hủy tại chiều cao lớn nhất: 23 kN - Tải trọng làm việc: 159 kg - Tải trọng chống rơi: 141 kg 3. Tấm đa lỗ - Cấu tạo: gồm 01 lỗ 51mm, 04 lỗ 22mm - Chất liệu: nhôm chịu lực - Tải trọng phá hủy 50.4 kN - Trọng lượng 170 gam - Đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1983 4. Ròng rọc đơn (02 cái / bộ) - Loại đơn hai con lăn, sử dụng phù hợp với dây cứu người có đường kính từ 11÷13 mm	Bộ	2

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Chất liệu: nhôm chịu lực - Tải trọng phá hủy: 56 kN - Trọng lượng: 145 gram - Đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1983 5. Khóa móc bằng tay (05 cái / bộ) - Kiểu móc: Dạng chữ D, có khóa an toàn, đóng mở bằng tay - Chất liệu: Nhôm chịu lực - Độ mở của cửa móc khóa: 25 mm - Tải trọng phá hủy: 26 kN - Trọng lượng: 79 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng NFPA 1983 6. Khóa móc tự động (02 cái / bộ) - Kiểu móc: Dạng chữ D, có khóa an toàn, đóng tự động - Chất liệu: Nhôm chịu lực - Độ mở của cửa móc khóa: 25 mm - Tải trọng phá hủy: 26 kN - Trọng lượng: 79 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng NFPA 1983 7. Cáng mềm cứu hộ - Kiểu cáng: Loại cáng mềm, có thể cuộn tròn, sử dụng cứu hộ trong không gian hẹp - Chất liệu: nhựa dẻo chịu lực - Kích thước: Rộng: 23 cm x Dài: 91 cm - Trọng lượng: 8,2 kg - Phụ kiện: Túi đựng, dây buộc cáng. 8. Đai nạn nhân - Dùng để đeo nhanh chóng cho nạn nhân cho dù nạn nhân được đặt ở bất cứ địa hình nào - Móc khóa bằng thép được thiết kế để gắn vào đai nạn nhân mà kg cần phải bước vào - Vừa vặn với cả trẻ em và người lớn với vòng eo tối đa 157 cm - Có túi để gắn vào đai nhân viên cứu hộ, để dễ tiếp cận nạn nhân - Trọng lượng: 1.3 kg - Tiêu chuẩn NFPA Class II 9. Thiết bị hãm, thả dây - Cấu tạo: Gồm tay cầm và cơ cấu hãm, thả dây, làm từ vật liệu chịu lực, không han gỉ, sử dụng phù hợp với dây cứu người có đường kính từ 11,5÷13 mm. - Tải trọng phá hủy: 280 kg - Trọng lượng: 600 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng NFPA 1983, EN 341 class A và EN 12841 type C 10. Thiết bị leo dây bằng tay - Cấu tạo: Có cơ cấu khóa một chiều, làm bằng nhôm hoặc thép không gỉ hoặc chất liệu chịu lực khác tương đương, sử dụng phù hợp với dây cứu người có đường kính từ 8 ÷ 13 mm - Tải trọng phá hủy: 150 kg - Trọng lượng: 165 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng NFPA 1983, EN 341 class A và EN 12841 type C		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng																																																						
	11. Khóa số 8 - Kiểu móc: Dạng số 8 có ngạnh hai bên, sử dụng phù hợp với dây cứu người đường kính 9,5 – 13 mm - Chất liệu: Nhôm chịu lực - Trọng lượng: 187 g - Tiêu chuẩn đáp ứng 341103 NFPA 1983 12. Mũ cứu hộ (02 cái / bộ) - Kiểu dáng: Kiểu nửa đầu, vỏ ngoài làm bằng nhựa ABS, thiết kế chống va đập mạnh và có lỗ thoáng. - Dây quai mũ làm bằng sợi tổng hợp, bền, nhẹ, điều chỉnh được độ dài của quai mũ. - Kích thước: Phù hợp với người có chiều cao từ 1m65 đến 1m75 - Trọng lượng: 450 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng: ANSI Z89.1-2009 13. Găng tay (02 cái / bộ) - Kiểu dáng: Loại 5 ngón, có đệm lòng bàn tay, thoáng khí khi sử dụng, có vòng dây để móc carabiner ở cổ tay - Chất liệu: Chất liệu tổng hợp, phần lòng bàn tay làm bằng chất liệu có độ bền cao - Kích thước: Phù hợp với người có chiều cao từ 1,65m đến 1,75m 14. Dụng cụ kẹp dây dùng cho chân - Cấu tạo: Có cơ cấu khóa một chiều, làm bằng nhôm chịu lực, sử dụng phù hợp với dây cứu người có đường kính từ 11÷13 mm - Tải trọng phá hủy: 150 kg - Trọng lượng: 85 gam - Tiêu chuẩn đáp ứng: EN 12841:2006-B 15. Túi đựng - Túi bằng chất liệu tổng hợp, có thể giặt sạch, có quai xách, phù hợp với bộ thiết bị.																																																								
8	Thiết bị phục vụ sơ cấp cứu người bị nạn + Hộp sơ cứu: <table><tr><td>Hộp nhôm đựng dụng cụ y tế</td><td>Cái</td><td>1</td></tr><tr><td>Băng keo lụa - 2.cm x 5cm</td><td>Cuộn</td><td>2</td></tr><tr><td>Băng thun 5x200 cm (1 móc)</td><td>Cuộn</td><td>1</td></tr><tr><td>Băng thun 10x200 cm (2 móc)</td><td>Cuộn</td><td>2</td></tr><tr><td>Băng thun 15x200 cm (3 móc)</td><td>Cuộn</td><td>1</td></tr><tr><td>Gạc thấm nước 8x9 (10 miếng)</td><td>Gói</td><td>1</td></tr><tr><td>Bông hút nước Quick Nurse25gr</td><td>Gói</td><td>5</td></tr><tr><td>Băng tam giác 80cm x 80cm</td><td>Cái</td><td>4</td></tr><tr><td>Garô cao su 4x100cm</td><td>Cái</td><td>2</td></tr><tr><td>Kéo y tế 14"</td><td>Cây</td><td>1</td></tr><tr><td>Khẩu trang y tế</td><td>Cái</td><td>5</td></tr><tr><td>Panh không mẫu 14"</td><td>Cây</td><td>1</td></tr><tr><td>Nhíp 14"</td><td>Cái</td><td>1</td></tr><tr><td>Găng tay dùng một lần</td><td>Đôi</td><td>2</td></tr><tr><td>Dung dịch vô trùng Natriclorid 0,9% 500ml</td><td>Chai</td><td>1</td></tr><tr><td>Nẹp cẳng tay số 8</td><td>Bộ</td><td>2</td></tr><tr><td>Nẹp chống xoay chân số 2</td><td>Cái</td><td>1</td></tr><tr><td>Thuốc sát trùng Povidine 90ml</td><td>Chai</td><td>1</td></tr></table>	Hộp nhôm đựng dụng cụ y tế	Cái	1	Băng keo lụa - 2.cm x 5cm	Cuộn	2	Băng thun 5x200 cm (1 móc)	Cuộn	1	Băng thun 10x200 cm (2 móc)	Cuộn	2	Băng thun 15x200 cm (3 móc)	Cuộn	1	Gạc thấm nước 8x9 (10 miếng)	Gói	1	Bông hút nước Quick Nurse25gr	Gói	5	Băng tam giác 80cm x 80cm	Cái	4	Garô cao su 4x100cm	Cái	2	Kéo y tế 14"	Cây	1	Khẩu trang y tế	Cái	5	Panh không mẫu 14"	Cây	1	Nhíp 14"	Cái	1	Găng tay dùng một lần	Đôi	2	Dung dịch vô trùng Natriclorid 0,9% 500ml	Chai	1	Nẹp cẳng tay số 8	Bộ	2	Nẹp chống xoay chân số 2	Cái	1	Thuốc sát trùng Povidine 90ml	Chai	1	Bộ	11
Hộp nhôm đựng dụng cụ y tế	Cái	1																																																							
Băng keo lụa - 2.cm x 5cm	Cuộn	2																																																							
Băng thun 5x200 cm (1 móc)	Cuộn	1																																																							
Băng thun 10x200 cm (2 móc)	Cuộn	2																																																							
Băng thun 15x200 cm (3 móc)	Cuộn	1																																																							
Gạc thấm nước 8x9 (10 miếng)	Gói	1																																																							
Bông hút nước Quick Nurse25gr	Gói	5																																																							
Băng tam giác 80cm x 80cm	Cái	4																																																							
Garô cao su 4x100cm	Cái	2																																																							
Kéo y tế 14"	Cây	1																																																							
Khẩu trang y tế	Cái	5																																																							
Panh không mẫu 14"	Cây	1																																																							
Nhíp 14"	Cái	1																																																							
Găng tay dùng một lần	Đôi	2																																																							
Dung dịch vô trùng Natriclorid 0,9% 500ml	Chai	1																																																							
Nẹp cẳng tay số 8	Bộ	2																																																							
Nẹp chống xoay chân số 2	Cái	1																																																							
Thuốc sát trùng Povidine 90ml	Chai	1																																																							

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật			ĐVT	Số lượng
	Oxy già 60ml	Chai	2		
	Panthenol 10g	Tuýt	1		
	Thuốc xịt bông Panthenol 130g	Chai	1		
	Mặt nạ phòng độc tích hợp	Cái	2		
	Kính bảo vệ mắt	Cái	2		
	+ Máy thở oxy. - Dòng chảy liên tục: 1-1.8LPM - Lưu Lượng xung: Dưới 20BPM≈ 2.5-4.5LPM - Nồng độ oxy: 90%+5%/-3% tại bất kỳ cài đặt nào - Áp lực đầu ra: 8.5 PSI - Mức độ âm thanh: ≤ 40dB (trên danh nghĩa) tại bàn phẳng, ≤ 45dB khi đi du lịch - Kích thước: 23x22x32,5(cm) - Trọng Lượng: 5,2kg(chỉ máy),6,2kg(với pin) - Giao diện người dùng: nút nhấn, màn hình tinh thể lỏng có đèn nền(LCD). - Tiêu thụ năng lượng: 90W~100W - Đầu vào nguồn AC: 100 đến 240VAC, 50/60Hz, tối đa 1.8A - Đầu ra nguồn AC: 14.8VDC, tối đa 8A - Đầu vào nguồn DC: đầu vào 11. đến 16.8VDC, tối đa 20A - Đầu ra nguồn DC: 14.8VDC, tối đa 8A - Hóa chất của pin: Lithium Ion 14.8VDC (trên danh nghĩa) - Kích thước pin: 15,5x8,5x5(cm) - Trọng lượng pin: 0,7kg - Thời gian sạc pin: xấp xỉ 4-5 giờ - Thời lượng pin: hai giờ ở mức 1-5 bất kỳ cài đặt nào, pin phụ là tùy chọn - Âm thanh báo động: 55dB (trên danh nghĩa), ở khoảng cách (1m). - Loại báo động: mất điện, nhiệt độ cao, hết O2, không thở				
9	Máy nạp khí - Môi trường nén: Khí thở. - Áp suất làm việc tối đa: 350 bar. - Lưu lượng khí nén: 200 lít/phút. - Cấp nén khí sạch: 03 cấp. - Số lượng đầu nạp khí: 01 đầu nạp 200 bar và 01 đầu nạp 300 bar. - Ống áp suất cao đáp ứng tiêu chuẩn DIN 300bar, có khớp nối dùng để kết nối với bình khí đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế về kích thước, kiểu ren. - Động cơ: xăng 4 kỳ, làm mát bằng không khí. - Độ ồn khi vận hành ≤ 98 dB ở khoảng cách 01 mét. - Hệ thống khởi động: dây kéo tự cuốn. - Công suất: tốc độ quay 1250 vòng/ phút, công suất 5,9 kW chống rung. - Bộ lọc không khí: TRIPLEX P21. - Có 04 đường ống nén khí PN300 kèm đồng hồ đo áp suất. - Đồng hồ đo giám sát, thuận tiện cho việc kiểm tra bảo trì máy. - Khung giá bằng nhôm sơn tĩnh điện, chất lượng cao, chắc chắn. - Có tay cầm nâng máy và tối thiểu 02 bánh xe - Vật liệu máy bằng hợp kim nhôm chống gỉ, chống ăn mòn. - Chất lượng khí nạp đáp ứng tiêu chuẩn EN 12021			Cái	3
10	Thang CNCH (Thang cách điện ba đoạn, Thang hộp, Thang móc) 1) Thang nhôm hộp chữ A:			Bộ	11

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	– Độ rộng chân thang: 51cm – Chiều cao bậc: 28cm – Độ rộng đỉnh thang: 30cm – Chiều cao chữ A: 225cm – Chiều cao đuôi thẳng chữ I: 472 cm – Trọng lượng thang: 8.2kg – Tải trọng: 110kg 2) Thang 3 đoạn cách điện: - Kích thước đóng: 470*45*21 cm - Độ rộng chân thang: 45cm - Chiều cao bậc: 30cm - Chiều cao sử dụng thấp nhất: 4.7m - Chiều cao sử dụng tối đa: 11m - Trọng lượng thang: 28kg - Trọng lượng đóng gói: 28,5 kg - Số đoạn: 03 - Thang có khả năng cách điện, cách nhiệt, không bị ăn mòn gỉ sét. - Chỉ dụng dạng đuôi thẳng. - Tải trọng thang: 150 kg, - Độ dày: 3mm - Sản phẩm gồm 2 móc treo - Chất liệu: sợi thủy tinh cách điện 3) Thang móc: - Kích thước 100x50x10 cm - Chiều cao tối đa 4.8m - Chiều dài rút gọn 100cm - Trọng lượng 13,2kg - Số bậc: 14 bậc - Chất liệu: Nhôm - Độ dày nhôm: 1,2-1,5 mm - Tải trọng 150kg, tiêu chuẩn EN131		
11	Mặt nạ phòng độc cách ly có bình khí Thiết bị thở cứu nạn <u>Một bộ gồm:</u> - Mặt nạ - Bộ giá đỡ và dây đeo tích hợp với hệ thống cung cấp khí - Bình khí nén 6.8 lít làm bằng composite đặc biệt + Mặt nạ bao gồm: - Tấm kính che mặt, thân mặt trùm, khung giữ tấm kính che mặt, bộ chụp mũi, dây đeo cổ, màng giao tiếp. - Có 03 kích cỡ khác nhau: S, M, L để thích hợp với mọi hình dáng khuôn mặt và có khả năng cung cấp độ kín khí tốt nhất. - Tấm kính che mặt: vật liệu Polycarbonate có khả năng chịu nhiệt, chịu lực tác động và chống cào xước. - Thân mặt trùm và dây đeo cổ : vật liệu Làm bằng cao su cao cấp EPDM không gây dị ứng - Khung giữ tấm che mặt: Làm bằng vật liệu tổng hợp chắc chắn, không dẫn điện và nhiệt để tăng sự bảo vệ tấm che mặt khi va chạm hoặc rung.	Bộ	11

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	+ Bộ giá đỡ và dây đeo tích hợp với hệ thống cấp khí bao gồm: - Đai dây đeo làm bằng vật liệu chịu nhiệt độ cao và chịu cường độ làm việc nặng. Đai phải được bọc đệm. - Tấm đệm dây hông và vai làm bằng vật liệu Styren- butadiene bọc lưới vải để chống sự mài mòn cao, chống đâm thủng và chống trơn trượt khi đeo. - Phần dây hông và vai phải có khả năng chống hoá chất, chậm bắt cháy, ít thấm nước. - Bộ dây giữ bình khí có khóa cam dạng cơ có thể siết chặt dây bình khí tại đúng vị trí để đảm bảo bộ thiết bị hoạt động an toàn và đơn giản. - Bộ giá đỡ dạng một tấm, làm bằng vật liệu tổng hợp chống tĩnh điện, được thiết kế theo hình dáng con người để việc phân bố trọng lượng bộ bình thở lên vùng thắt lưng người sử dụng. + Bình khí nén bao gồm: - Thể tích bình khí: 6.8 lít làm bằng composite đặc biệt - Nhiệt độ hoạt động: -500C÷600C - Áp suất làm việc của bình khí nén: 300bar - Áp suất thử nghiệm lớn nhất: 450bar - Tiêu chuẩn sản xuất áp dụng cho van bình khí: EN144-1; EN144-2. - Tiêu chuẩn sản xuất áp dụng cho bình khí: EN12245:2002; PED97/23 EC.		
12	Mặt trùm lọc độc chống khói kèm bầu lọc - Khung mặt nạ làm bằng vật liệu: EPDM - Kính che mặt làm bằng vật liệu: PMMA plexiglas chống xước - Hệ thống thông khí hiệu quả - Đai giữ đầu 5 điểm - Lọc các khí độc: C6H12, CL2, H2S, HCN, HCL, SO2, NH3, HG, CO, NO, NO2. - Tiêu chuẩn: EN 14387:2004+A1:2008, EN 143:2000 / A1 :2006, DIN 58620 :2007 - EN 141:2000, EN 371	Bộ	20
13	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu hộ dưới nước Một bộ bao gồm 1. Quần áo lặn - Kiểu dáng cải tiến phần chân giúp việc di chuyển linh hoạt hơn - Hai (02) lớp với Một (1) đường may, áo liền quần, có kèm mũ trùm đầu. - Vật liệu cao su tổng hợp neoprene , chống thấm nước, dày 5.0mm, co giãn được, ôm theo sát thân người. - Khóa kéo phía bên trong đằng sau lưng và có lớp chống thấm nước. - Đầu gối có may lớp gia cố chống mài mòn - Cổ tay và mắt cá chân có thêm lớp gia cố kín nước. - Có kích thước phù hợp với thể trạng người Châu Á 2. Găng tay - Găng tay dạng 5 ngón - Dày 5mm - Vật liệu cao su tổng hợp (Neoprene) chống thấm nước - Phía trong có lớp lót Metallite tại sự êm ái khi sử dụng 3. Ủng - Dạng ủng cao cổ, có khóa kéo bên hông. - Dày 5mm	Bộ	11

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Vật liệu ủng: cao su tổng hợp 2 lớp - Phía sau gót có gia cố lớp bảo vệ chống rách khi sử dụng - Đế cao su chống trượt - Đầu mũi ủng và phần gót có gia cố thêm lớp cao su bảo hộ 4. Van thở 4.1 Bộ điều hòa áp suất - 2 đầu ra dùng để nối thiết bị áp suất 300 bar, đường kính 7/16 - 4 đầu ra dùng để nối thiết bị áp suất 220bar, đường kính 3/8 - Áp suất làm việc 300 bar - Thân làm bằng đồng bên ngoài phủ lớp Nickel chất lượng cao - Lưu lượng khí cấp: 4500 lít/phút - Tiêu chuẩn các đầu nối: INT (hoặc tùy chọn tiêu chuẩn DIN) - Trọng lượng 590 gram 4.2 Van cấp khí thở - Tự cân bằng khí - Cửa van chống mài mòn - Khoang chứa thở hình elip - Phần trao đổi nhiệt độ bên trong - Khóa Cam - Tiêu chuẩn: EN250/2000 sử dụng tốt trong môi trường nước lạnh - Gắn sẵn ống cấp khí bằng cao su - Trọng lượng van (chưa bao gồm ống cấp khí): 135gram 5. Áo phao - Đệm lưng rắn chắc, phía trên có tay cầm - Thao tác gắn bình khí nhanh và chắc chắn - Hệ thống bơm phồng được sắp xếp hợp lý - Có van xả khí an toàn - 4 túi trong đó có 2 đeo hông và 2 túi tháo rời có chốt khóa đóng mở bằng tay kéo và nối vào trong áo phao dùng để chứa vật nặng - 3 van xả khí và nước thuận tiện thao tác ở mọi vị trí - 10 móc khóa chữ D thuận tiện trong việc gắn các phụ kiện và vật dụng 6. Đồng hồ đo áp suất và độ sâu - Thiết kế nhỏ gọn, tích hợp 2 đồng hồ trên cùng một thiết bị để đo áp suất và độ sâu - Vỏ bọc ngoài bằng cao su chắc chắn chống va đập. - Nối vào bộ điều hòa áp suất để đo áp suất khí còn lại trong bình. Ống nối áp suất cao 300bar - Có 3 màu cảnh báo cho người sử dụng sáng sáng trong bóng tối - Mức cảnh báo khi áp suất xuống mức 50 bar - Đo độ sâu đến 70m, mức cảnh báo đỏ ở độ sâu từ 40m trở lên 7. La bàn định hướng - Ánh sáng phản quang dễ quan sát trong vùng tối - Thiết kế đeo tay và gắn vào áo phao bằng bộ liên kết đi kèm 8. Kính lặn - Vật liệu vỏ Silicone - Mặt kính thủy tinh cường lực 9. Ống thở - Phần trên thiết kế nắp chống nước bắn vào bên trong		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Có van thoát nước chống tắc ống thở - Miệng ngậm bằng 100% silicone 10. Đèn pin - Bóng LED - Công tắc có 3 mức điều chỉnh, có chế độ tự động sáng - Cường độ ánh sáng: mức 1: 210 LM, mức 2: 260LM - Vỏ ngoài bọc cao su - Nguồn : pin 4 AA x 1.5V - Bóng đèn: LED Cree - Khoảng cách chiếu xa: 60m - Sử dụng ở độ sâu tối đa: 100m 11. Chân vịt lặn - Chiều dài: 58cm - Lá cánh chân dài: 45 cm - Chiều rộng: 21cm - Trọng lượng: 920 gram/ cái - Màu: đen 12. Dao cứu hộ - Chiều dài: 30.5cm - Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ - Một cạnh cắt và một cạnh răng cưa - Cán dao làm bằng cao su đặc. - Vỏ bọc bên ngoài bằng nhựa chắc chắn, có chỗ gắn dây đeo thắt lưng 13. Bình khí thở - Dung tích: 12 lít - Áp suất làm việc: đến 300bar - Van thiết kế có kiểu tay cầm chặt nhờ các rãnh nhỏ - Kiểu dáng mới với hệ thống khe khóa duy nhất dùng để kiểm tra van mở (khe khóa màu đỏ) hoặc đóng (khe khóa màu vàng) - Có chân đế bảo vệ bình khi di chuyển - Tiêu chuẩn CE 14. Dây thắt lưng - Khóa thao tác nhanh - Đầu khóa làm bằng inox không gỉ - Bề mặt rộng: 5cm 15. Chì lặn - Trọng lượng: 1kg/ cái - Số lượng: 5 cái 16. Giá đeo bình đơn - Dùng để đeo bình khí lặn - Vật liệu: composite - Sử dụng cho bình đơn từ 10-18kg 17. Túi đựng chuyên dụng - Kích thước: 950 X 340 x 420 - Dung tích chứa: 135 lít - Chống thấm nước - Có van xả nước phía trong.		
14	Bộ Thiết bị banh cắt, phá dỡ thủy lực, búa, rìu, kìm cộng lực (dùng pin)	Bộ	1

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	1. Thiết bị cắt dùng pin - Thân máy làm bằng nhôm nguyên khối chịu được điều kiện khác nghiệt trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Tay cầm điều khiển dạng xoay - Khoảng cách mở lưỡi : 147 mm - Cấp độ cắt: A6/B5/C6/D7/E7 - Trọng lượng không bao gồm pin: 20.8 kg - Kích thước: 777 x 241 x 241 mm - Pin: Dewalt Flexvolt – 60 Volt / có bộ sạc và pin dự phòng kèm theo - Tay cầm máy có đèn Led công suất cao để cứu hộ trong môi trường thiếu ánh sáng. - Phù hợp tiêu chuẩn NFPA 1936, chứng nhận UL 2. Thiết bị phanh dùng pin - Thân máy làm bằng nhôm nguyên khối chịu được điều kiện khác nghiệt trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Tay cầm điều khiển dạng xoay - Khoảng cách phanh tối đa: 622 mm - Lực phanh cao nhất: 60.6 kN - Lực phanh thấp nhất: 32.9 kN - Lực phanh tối đa: 174.0 kN - Lực kéo cao nhất: 46 kN - Lực kéo thấp nhất: 26 kN - Trọng lượng không bao gồm pin: 22.1 kg - Kích thước: 793 x 282 x 244 mm - Pin: Dewalt Flexvolt – 60 Volt / có bộ sạc và pin dự phòng kèm theo - Tay cầm máy có đèn Led công suất cao để cứu hộ trong môi trường thiếu ánh sáng. - Phù hợp tiêu chuẩn NFPA 1936, chứng nhận UL 3. Thiết bị phá dỡ tổng hợp dùng pin - Thân máy làm bằng nhôm nguyên khối chịu được điều kiện khác nghiệt trong công tác phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Tay cầm điều khiển dạng xoay - Khoảng cách đầu phanh mở tối đa: 394 mm - Lực phanh cao nhất: 39.7 kN - Lực phanh thấp nhất: 29.6 kN - Lực phanh tối đa: 684.0 kN - Khoảng cách đầu cắt mở tối đa: 185mm - Cấp độ cắt: A6/B7/C6/D7/E7 - Trọng lượng không bao gồm pin: 22.1 kg - Kích thước: 861 x 241 x 241 mm - Pin: Dewalt Flexvolt – 60 Volt / có bộ sạc và pin dự phòng kèm theo - Tay cầm máy có đèn Led công suất cao để cứu hộ trong môi trường thiếu ánh sáng. - Phù hợp tiêu chuẩn NFPA 1936, chứng nhận UL 4. Búa tạ - Phần cán búa được làm từ gỗ nên có độ bền cao, độ bám cao khi cầm. - Chất liệu phần đầu búa là hợp kim thép có độ cứng cao, không bị gỉ sét - Chiều dài: 36”		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Trọng lượng: 7,2 kg 5. Rìu - Chịu tác động biến dạng do va đập mạnh, chống rỉ sét - Vật liệu: Thép carbon, chịu nhiệt - Trọng lượng đầu búa: 1250g - Chiều dài: 700mm 6. Kìm cộng lực Kích thước: 36" - Sản phẩm được làm bằng hợp kim cứng cấp sử dụng thoải mái, có độ bền cao, chống cong vênh hay biến dạng khi va chạm mạnh trong quá trình sử dụng. - Kìm được phủ lớp chống oxy hoá sáng bóng giúp kéo bền không bị gỉ sét khi tiếp xúc với môi trường. - Tay cầm có bao bọc bằng nhựa giúp tay cầm được chắc chắn, êm và không bị trượt tay. Tránh gây đau mỏi tay khi bạn sử dụng lâu. - Mỏ kìm được tinh luyện từ chất Chrome molybdenum với quai hàm cắt được tôi luyện ở 60độ+4 theo tiêu chuẩn của FBS tạo cho kìm sự cứng rắn, chắc khoẻ và có tính bền cực đại. - sản phẩm chất lượng cao dùng để cắt cáp thép, cắt bulong, cắt kim loại...		
15	Đai cứu hộ - Chuyên dùng trong công tác cứu hộ trên cao, dễ dàng sử dụng. - Các tấm đệm được làm từ 2 lớp kép, để tối ưu hóa việc phân phối tải trọng. - Đai lưng kết cấu dạng chữ Y để cho phép điều chỉnh kích thước đai ở vai, giảm thiểu áp lực lên phần cổ, phía sau trang bị một vòng đeo đai ở phần cổ. - Chống thấm và chống tia cực tím cho độ bền cao. - Hai vòng đeo thiết bị được thiết kế với phần vỏ bọc 32 sợi polyester, để nâng cao độ chắc chắn khi làm việc. - Phía trước có 02 vòng để treo đai ở phần ngực và phần bụng. - Hai vòng chân có khóa đóng mở nhanh, tấm đệm rộng để người dùng thoải mái khi phải làm việc trong thời gian dài - Điều chỉnh được vòng eo từ 81 đến 107 cm - Trọng lượng 2,7 kg - Phù hợp tiêu chuẩn NFPA Class III	Bộ	11
16	Áo phao - Chất liệu: Xốp cao cấp. Áo phao có lớp ngoài làm từ neopren 1mm giúp giữ nhiệt cho cơ thể trong trường hợp dưới nước, đồng thời lớp xốp bên trong giúp người mặc nổi dưới nước. Áo có khóa kéo chắc chắn và 2 dây đai cài có thể điều chỉnh cho vừa với người.	Cái	100
17	Máy Khoan phá bê tông (Búa khoan dùng khí nén) - Khả năng khoan Φ 38mm x độ sâu 254mm - Búa khoan đá khí nén JRD30 có lỗ khoan rộng tới 1.5 inch sâu 10 feet, sử dụng khoan đá mềm hoặc bê tông. - Dễ sử dụng: cơ động trong không gian hẹp và đủ nhẹ để sử dụng khi cần khoan ngang. - Khoan khô hoặc ướt: Có thể sử dụng tại bất kỳ môi trường làm việc nào bạn cần. - JRD30 nhẹ nhưng mạnh mẽ và đủ bền để chịu được các điều kiện khắc nghiệt nhất.	Bộ	1

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Dễ dàng điều chỉnh 3 cấp tốc độ, tích hợp bộ giảm ồn - Đường kính thân búa khoan: 60mm - Hành trình: 37mm - Tần suất đập: 2700 lần/phút - Tiêu thụ khí nén: 3.067 m³/phút - Kích cỡ lắp choòng khoan lục giác: 22.2 x 108mm - Khả năng khoan sâu tối đa: 254 mm - Đường kính lỗ khoan lớn nhất: 38mm - Chiều dài tổng thể (chưa bao gồm choòng và mũi): 495mm - Trọng lượng chưa bao gồm phụ kiện: 13.2 kg - Cổng cấp khí nén: 3/4" - Đường kính ống cấp hơi tối thiểu: 19mm Phụ kiện kèm theo và lựa chọn thêm - Choòng khoan, mũi khoan... Máy nén khí chạy dầu diesel - Công suất(HP): 20 HP - Lưu lượng(L/phút): 2000 - Áp lực(Kg/cm): 12.5 - Dung tích bình chứa(Lít): 500L - Đầu nỏ: 24 HP - Dây dẫn khí nén 30 m		
18	Bộ đàm cầm tay - Dải tần: VHF/UHF - Màn hình LCD hiển thị - Công suất phát: 5W/4W - 16 Kênh - Tiêu chuẩn kín nước: IP54 - Tiêu chuẩn chống va đập: MIL-STD 810 - Kích thước: 120 x 55 x 36.2 mm - Trọng lượng: 295g Tính năng Kỹ thuật số: - Công nghệ TDMA cho 2 kênh liên lạc đồng thời giảm 1/2 chi phí đầu tư chuyển tiếp và giảm 1/2 phí sử dụng tần số so với Analog - Giảm 40% suy hao pin so với Analog - Tiêu chuẩn âm thanh IMPRES - Chế độ hoạt động: Analog và Digital Phụ kiện gồm: - Thân máy Motorola XiR C2620 - Pin Lithium Ion 1750mAh. Mã pin: PMNN4476 - Anten VHF/UHF - Bộ sạc nhanh kèm Adapter. Mã sạc: PMLN5396 - Pass cài pin - Sách HDSD	Chiếc	20
19	Máy cắt Bê Tông (dùng pin) - Lưỡi cắt 9 " cho phép cắt sâu lên đến 3-1/4" - Thực hiện cắt đơn và đường cắt nhanh chóng và hiệu quả trong bê tông, thép và thép cây. Máy cưa có tay cầm phía trước có thể được giữ ở ba vị trí, cho phép cưa được sử dụng để cắt ở cả vị trí ngang và dọc.	Cái	2

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	Một bộ bao gồm: - 1 máy cắt - 1 Lưỡi cắt bê tông . - 1 Lưỡi cắt kim loại. - 1 lưỡi cắt gạch, đá. - 2 Pin FLEXVOLT 60V / 20V (3AH / 9AH) và 1 Bộ sạc. - 3 bộ dự phòng lưỡi cắt		
20	Phao tròn cứu sinh - Màu sắc: cam, trắng - (phản quang) - Vật liệu: nhựa Polyethylene - Đường kính trong: 445mm - Đường kính ngoài: 720mm - Vỏ phao: bằng vải tổng hợp Polyethylene chịu được tia tử ngoại, dầu mỡ, hóa chất	Cái	106
21	Máy hút khói - Lưu lượng khí theo phương pháp thử AMCA210: 10.000 m³/h - Lưu lượng khí theo phương pháp thử AMCA240: 17.200 m³/h - Vòng/ phút: 3600 - Kích thước: 16 inch (407mm) - Động cơ: Honda 4.0HP/G X 120 làm mát bằng khí, 4 thì - Kích thước (HxWxD): 495 x 500 x 470 - Trọng lượng: 25kg + Phụ kiện kèm theo - Ống thông gió: đường kính 660mm, dài 15 mét - Kẹp kết nối ống với quạt 660mm	Cái	1
22	Máy cắt kim loại (dùng pin) - Được ghép nối với lưỡi cưa chuyển động đi kèm, công cụ này giúp cắt nhanh các kết cấu thép cũng như kim loại tấm và bổ sung hoàn hảo cho các công cụ cứu hộ. Kẹp lưỡi cưa cho phép thay đổi lưỡi nhanh chóng và dễ dàng, không cần chìa khóa trong khi đèn LED của nó giúp chiếu sáng khu vực làm việc của bạn. Một bộ bao gồm - 01 máy cắt - 10 Lưỡi cắt 6" Lennox Laser CT Extrication, - 10 Lưỡi cắt 6" 9" Lennox Laser CT Extrication - 1 Pin FLEXVOLT 60V / 20V (2AH / 6AH), - 1 Bộ sạc và túi đựng - 2 bộ dự phòng lưỡi cắt 6" Lennox Laser CT Extrication và lưỡi cắt 9" Lennox Laser CT Extrication	Cái	1
23	Máy khoan, máy cưa (cắt) dưới nước 1. Máy khoan búa khí nén dưới nước - Chế độ khoan búa sử dụng khi khoan lỗ bê tông, gạch và nề - Chế độ khoan quay để khoan thẳng vật liệu thép và gỗ - Khả năng khoan lỗ đường kính 1 inch khi sử dụng các mũi bằng cacbua - Khả năng khoan lỗ đường kính lên đến 3 "lỗ khi sử dụng mũi khoan Core Carbide - Hệ thống xả nước đặc biệt để ngăn chặn bụi và tia lửa. - Hộp số thiết kế kiểu bánh răng kín không cần bảo trì (bôi trơn vĩnh viễn)	Bộ	1

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Công suất động cơ khí nén: 1.6 HP - Áp suất khí nén cấp cho khoan làm việc: 6 bar - Tiêu thụ khí nén khi làm việc tại áp suất 90psi: 53CFM - Tốc độ quay khi có tải: 0÷250 vòng/phút - Tần suất đập khi có tải: 2500 lần/phút - Đường kính mũi khoan - Khoan bê tông: 2" - Đường kính mũi đục bê tông: 9" - Khoan gỗ: 1.25" - Kích thước máy: 19.5×9.8×5.5" - Trọng lượng khoan: 11.8kg (26lbs) - An toàn tia lửa ATEX: II2GcT6 2. Máy cưa xích khí nén dưới nước - Động cơ khí nén an toàn hơn trong môi trường có nguy cơ cháy nổ hoặc môi trường ẩm ướt, - Có khả năng hoạt động chìm dưới nước. - Sử dụng đơn giản, Xích và động cơ được tự động bôi trơn bằng hai hệ thống bôi trơn riêng biệt - Tấm chắn xích để bảo vệ người vận hành. - Công suất động cơ khí nén: 4HP - Khả năng cắt: 25" - Áp suất làm việc: 90psi - Lượng khí nén tiêu thụ: 92 CFM - Chiều dài xích: 41" - Trọng lượng máy: 14.06 kg (31 lbs) - Cổng cấp khí nén: 3/4" chuẩn ren NPT - Đường kính ống dẫn khí nén cấp cho cưa: 5/8" 3. Máy nén khí chạy dầu diesel - Công suất(HP): 20 HP - Lưu lượng(L/phút): 2000 - Áp lực(Kg/cm): 12.5 - Dung tích bình chứa(Lít): 500L - Đầu nổ: 24 HP - Dây dẫn khí nén 30 m		
24	Bộ phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ trên cao (dây, khóa móc, thang, cột, chống, băng ca) 1. Dây cứu hộ - Cấu tạo: Dây có lõi chịu lực, vỏ ngoài được bọc bằng các sợi đan chéo với nhau, làm từ sợi tổng hợp; nhiệt độ tan chảy 238°C - Chiều dài: 100 m/cuộn - Đường kính: 13mm - Tải trọng phá hủy: 42 kN - Trọng lượng: 104,9 g/m - Tiêu chuẩn đáp ứng: Tiêu chuẩn NFPA 1983 2. Ròng rọc nâng hạ bằng điện - Công dụng: Tiếp cận mục tiêu trên cao từ dưới mặt đất hoặc từ trên cao qua hệ thống ròng rọc, dùng trong công tác cứu nạn cứu hộ. - Chức năng: Cơ chế leo dây tự động bằng pin, Cơ chế hạ chậm bằng tay	Bộ	2

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Cơ chế tháo lắp dây: đi vào bên trong thân máy - Trọng lượng: xấp xỉ 9 Kg - Vật liệu: nhôm - Thời lượng sử dụng với pin chuẩn: Liên tục 3.5 phút – 152 mét dây với mức tải trọng 180 Kg, liên tục 7.0 phút–305 mét dây với mức tải trọng 90 kg - Tốc độ đi lên: 0.5 m/s - Tốc độ đi xuống: 1.21 m/s tại tải trọng 180 Kg - Phù hợp tiêu chuẩn CE và Ansi 2018 3. Cáng cứu hộ - Kiểu dáng: Kiểu cáng cứng, thân cáng dạng elip. Chất liệu khung: thép không gỉ - Tải trọng phá hủy: 14 kN - Kích thước: Dài : 211 cm x Rộng: 58 cm x Cao: 18,5 cm - Trọng lượng cán: 14,1 kg - Dây treo cáng: làm từ sợi tổng hợp, tải trọng phá hủy 32 kN 4. Bộ dây treo cáng cứu hộ - Bao gồm 3m dây chịu lực và 4 dây giúp cân bằng cáng trên cao - Tải trọng phá hủy 76 kN 5. Ròng rọc kép - Loại đơn hai con lăn, sử dụng phù hợp với dây cứu người có đường kính từ 11÷13 mm - Chất liệu: nhôm chịu lực - Tải trọng phá hủy: 50 kN - Trọng lượng: 249 gram - Đáp ứng tiêu chuẩn NFPA 1983 6. Khóa móc (06 cái / bộ) - Kiểu móc: Dạng chữ D, có khóa an toàn, đóng mở bằng tay - Chất liệu: Nhôm chịu lực - Độ mở của cửa móc khóa: 25 mm - Tải trọng phá hủy: 26 kN - Trọng lượng: 79 gram - Tiêu chuẩn đáp ứng NFPA 1983 7. Thang dây - Cấu tạo: Làm bằng nhôm, chống cháy, chịu mài mòn, đầu thang có móc treo vào gờ tường - Chiều dài thang: 22 mét - Tải trọng thang tối đa: 300 kg - Độ rộng của thang: 33 cm - Khoảng cách bậc: 31,5 cm - Trọng lượng thang: 11,2 kg 8. Mũ cứu hộ: 2 cái - Kiểu dáng: Kiểu nửa đầu, vỏ ngoài làm bằng nhựa ABS, thiết kế chống va đập mạnh và có lỗ thoáng. - Dây quai mũ làm bằng sợi tổng hợp, bền, nhẹ, điều chỉnh được độ dài của quai mũ. - Kích thước: Phù hợp với người có chiều cao từ 1m65 đến 1m75 - Trọng lượng: 450 gram. Tiêu chuẩn đáp ứng: ANSI Z89.1-2009 9. Găng tay: 2 cái		

STT	Tên tài sản – Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	- Kiểu dáng: Loại 5 ngón, có đệm lòng bàn tay, thoáng khí khi sử dụng, có vòng dây để móc carabiner ở cổ tay - Chất liệu: Chất liệu tổng hợp, phần lòng bàn tay làm bằng chất liệu có độ bền cao - Kích thước: Phù hợp với người có chiều cao từ 1,65m đến 1,75m 10. Túi đựng - Túi bằng chất liệu tổng hợp, có thể giặt sạch, có quai xách, phù hợp với bộ thiết bị.		
25	Lều chỉ huy (2-3 người) - Diện tích sàn 9 m² (Rộng 2,1 m x Dài 4,3m) - Cột nóc: 2,2m :3 cột; Cột cạnh 1,8m :6 cột - 2 cửa ra 2 cửa vào; 4 cửa sổ; Chất liệu vải bạt mặt trong phủ PU	Bộ	6
26	Lều chiến sĩ (20 người) - Kích thước : - Diện tích sàn 45 m² (Rộng 5 m x Dài 9m) - Cột nóc: 2,5m :5 cột; Cột cạnh 1,8m :10 cột - 2 cửa ra 2 cửa vào; 8 cửa sổ - Chất liệu vải bạt mặt trong phủ PU	Bộ	6
	Tổng giá trị gói thầu: 19.946.000.000 đồng		

(Bảng chữ: Mười chín tỷ, chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng).